

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHI LỘC
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:39/2020/HNGĐ-ST

Ngày:18-3-2020
(V/v kiện xin li hôn và quyền
nuôi con chung)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHI LỘC, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Loan Hòa

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Xuân Hòa; ông Lê Cảnh Tứ

-Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Xuân Giáp- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 305/2019/ TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2019 về việc li hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04 /2020/QĐXX-ST ngày 27 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị T- sinh năm 1981.

Địa chỉ: xóm 6, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

- Bị đơn: anh Bùi Trọng Q- sinh năm 1988

Địa chỉ: xóm 6, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin li hôn đề ngày 12/12/2019 và các lời khai, biên bản phiên hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày: Vào ngày 21/11/2011, chị và anh Bùi Trọng Q cưới nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng chị chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn là đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Chủ yếu là do không tìm hiểu nhau kỹ càng nên không phù hợp về quan điểm sống; Bản thân hai vợ chồng không còn quan tâm, yêu thương nhau nữa. Cuộc sống thường xuyên xảy ra cãi cọ, gây gổ căng thẳng; Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng li thân từ cuối năm 2016 đến nay nên chị làm đơn xin li hôn để giải thoát ràng buộc cho nhau- mỗi người tìm hạnh phúc mới của mình.

Về con cái: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Bùi Quốc V, sinh ngày 27/6/2012 . Nguyễn vọng của chị sau khi li hôn là xin được nuôi cháu V và chưa yêu cầu anh Q đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản- nợ và vay nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Bùi Trọng Q không hợp tác với Tòa án nên không có lời khai, lời trình bày nào và cũng không có mặt tại phiên tòa. Qua xác minh, điều tra tại địa phương thì anh Bùi Trọng Q có hộ khẩu thường trú tại xóm 6, xã N, huyện

N, tỉnh Nghệ An. Anh Q không cất chuyển hộ khẩu, không khai báo tạm vắng mà đi làm ăn, thỉnh thoảng về địa phương.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành và người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước lúc nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Việc thụ lý đúng thẩm quyền; xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng; chuyên hồ sơ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho Viện kiểm sát, thời hạn giải quyết đúng quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát có quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56; 80; 81 và Điều 82 của luật Hôn nhân và gia đình cho chị Nguyễn Thị T và anh Bùi Trọng Q được li hôn; Giao cháu Bùi Quốc V cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng như trước đây là phù hợp; Tạm hoãn xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Q như nguyện vọng của chị T. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết án phi theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

{1} Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thu thập lời khai nguyên đơn, họp phiên công khai chứng cứ, tiến hành hòa giải hợp lệ; việc nguyên đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Không ai có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng. Bị đơn là anh Bùi Trọng Q có hộ khẩu, nơi cư trú tại xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An; Anh Q đã được giao nhận hợp lệ các văn bản tài liệu của Tòa án nhưng không hợp tác nên tuy không có bản khai, ý kiến và không có mặt tại phiên Tòa nhưng Tòa án xét xử vụ án vắng mặt anh là đúng quy định của pháp luật và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

{2} Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Xét ngày 21/11/2011, chị Nguyễn Thị T và anh Bùi Trọng Q cưới nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn; không vi phạm các quy định về điều kiện kết hôn tại điều 8, điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Như vậy quan hệ hôn nhân đó là hợp pháp.

{2.1} Về tình cảm: Xét chị Nguyễn Thị T và anh Bùi Trọng Q lấy nhau vào ngày 21/11/2011; Hôn nhân có đăng ký và hoàn toàn tự nguyện. Sau một thời gian chung sống với nhau thì vợ chồng liên tục phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do tính tình không phù hợp, quan điểm sống khác biệt dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Từ mấy năm lại nay vợ chồng sống ly thân, cắt đứt mọi quan hệ. Mặc dù Tòa án triệu tập với mong muốn hòa giải, phân tích để vợ chồng quay về chung sống nhưng anh Q vẫn không hợp tác để làm việc với Tòa án, tỏ rõ ý chí không có ý muốn đoàn tụ. Xét nguyện vọng tha thiết xin được li hôn của chị Nguyễn Thị T là hợp pháp, không trái đạo đức xã hội nên cần áp dụng điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị T được li hôn với anh Bùi Trọng Q.

{2.2} Về con chung: Vợ chồng có 1 con chung là cháu Bùi Quốc V, sinh ngày 27/6/2012. Nguyện vọng của chị sau khi được li hôn là xin được nuôi cháu V và chưa yêu cầu anh Q đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Xét nguyện vọng trên của chị là chính đáng. Cháu V từ trước tới nay đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; Việc giao cháu cho chị tiếp tục nuôi dưỡng đảm bảo cho việc phát triển bình ổn tâm sinh lý của cháu. Vì vậy, nghĩ cần tiếp tục giao cháu cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi li hôn. Về nội dung đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung: chị T chưa yêu cầu anh Q đóng góp. Đây là nguyện vọng chính đáng của chị xuất phát từ nguyên nhân anh Q chưa có việc làm và thu

nhập ổn định; cá nhân chỉ hiện tại có đủ điều kiện để nuôi cháu; Nguyên vọng trên không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên cần chấp nhận.

{2.3} Về tài sản chung, nợ và cho vay nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết; bị đơn vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xét.

{2.4} Về án phí: chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ án phí li hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào Điều 56; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Xử:

{1} Về tình cảm: cho chị Nguyễn Thị T được li hôn với anh Bùi Trọng Q.

{2} Về con chung: Giao con chung của vợ chồng là cháu Bùi Quốc V, sinh ngày 27/6/2012 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; Tạm hoãn đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Bùi Trọng Q.

Anh Bùi Trọng Q có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Nếu anh Q lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung của anh Q.

{3} Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí li hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã đóng tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Nghi Lộc theo biên lai số 0005864 ngày 23/12/2019; chị T đã nộp đủ án phí li hôn.

{4} Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND h. Nghi Lộc;
- Chi cục THA dân sự Nghi Lộc;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- UBND p.T,Q,S, Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Loan Hòa